

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO
Ngày Thi: 22/06/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC6442	Nguyễn Thị Hoài	Anh	26/10/2005	Thanh Hoá	6,0	6,0	9,5	6,0	7,17	Đạt	
2	BKNC6443	Hoàng Diệu Phương	Ánh	20/08/2003	Đắk Lắk	5,33	8,0	9,0	5,0	7,33	Đạt	
3	BKNC6444	Hoàng Linh	Đan	03/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	9,0	9,0	5,0	7,67	Đạt	
4	BKNC6445	Nguyễn Ngọc Bích	Du	20/09/2003	Quảng Trị	7,0	7,0	6,0	7,0	6,67	Đạt	
5	BKNC6446	Hà Thị Phương	Dung	08/12/2003	Tây Ninh	6,33	6,0	8,0	6,0	6,67	Đạt	
6	BKNC6447	Huỳnh Thị Trà	Giang	11/04/2002	Đắk Lắk	5,0	9,0	6,0	5,0	6,67	Đạt	
7	BKNC6448	Trần Diễm Ngọc	Hân	27/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,0	9,0	6,0	7,33	Đạt	
8	BKNC6449	Lê Thị Hồng	Hạnh	27/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	
9	BKNC6450	Nguyễn Trung	Hậu	22/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	0,0	7,0	8,0	5,0	Không đạt	
10	BKNC6451	Ngô Thị Kha	Lin	25/10/2004	Tiền Giang	8,0	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
11	BKNC6452	Nguyễn Ngọc	Linh	10/08/2005	Nghệ An	6,0	7,0	9,0	7,0	7,67	Đạt	
12	BKNC6453	Nguyễn Tấn	Nhật	19/02/2004	Quảng Ngãi	8,0	7,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
13	BKNC6454	Dương Thị Yến	Nhi	01/07/2002	Khánh Hoà	6,67	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
14	BKNC6455	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15/01/2003	Tiền Giang	9,33	9,0	8,0	8,0	8,33	Đạt	
15	BKNC6456	Thái Thị Kim	Nhung	01/03/2003	Thừa Thiên Huế	6,0	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
16	BKNC6457	Trần Thanh	Quang	29/12/2004	An Giang	8,67	8,0	8,0	8,0	8,0	Đạt	
17	BKNC6458	Cao Thị Xuân	Quỳnh	23/12/2004	Quảng Ngãi	5,67	9,0	5,0	5,0	6,33	Đạt	
18	BKNC6459	Ngô Lưu Thanh	Tâm	02/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	8,0	6,5	5,5	6,67	Đạt	
19	BKNC6460	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	28/12/2004	Long An	10,0	6,0	9,5	7,5	7,67	Đạt	
20	BKNC6461	Trần Phan Kim	Thảo	05/11/2003	Tây Ninh	7,0	5,0	8,5	5,0	6,17	Đạt	
21	BKNC6462	Võ Ngọc	Thế	02/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	8,0	9,0	6,0	7,67	Đạt	
22	BKNC6463	Trần Thị Cẩm	Thi	08/08/1997	An Giang	7,33	8,0	9,5	8,0	8,5	Đạt	
23	BKNC6464	Phạm Xuân	Thơ	08/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,5	10,0	8,5	9,0	Đạt	
24	BKNC6465	Đào Minh	Thoa	24/04/2003	Tây Ninh	8,33	6,0	9,0	7,0	7,33	Đạt	
25	BKNC6466	Nguyễn Thái Bảo	Thương	04/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,0	9,0	6,0	7,67	Đạt	
26	BKNC6467	Trương Thanh	Tòng	28/05/2005	Bến Tre	9,33	8,0	8,0	8,0	8,0	Đạt	
27	BKNC6468	Hoàng Văn	Trường	18/03/2003	Hải Dương	6,67	5,0	7,0	6,0	6,0	Đạt	
28	BKNC6469	Đoàn Anh	Tuấn	03/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,0	5,0	6,0	5,67	Đạt	
29	BKNC6470	Nguyễn Phương	Tuệ	30/04/2004	Cà Mau	5,33	9,0	6,0	5,0	6,67	Đạt	
30	BKNC6471	Phạm Lâm Anh	Vũ	06/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,0	9,0	6,5	7,83	Đạt	
31	BKNC6472	Hồ Thị Hà	Vy	26/02/2002	Quảng Trị	6,33	9,0	8,0	6,0	7,67	Đạt	
32	BKNC6473	Trần Nguyệt Thanh	Vy	29/10/2003	Bình Dương	7,67	8,0	6,0	6,0	6,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
33	BKNC6474	Nguyễn Quỳnh Như	Ý	12/05/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,67	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) $\geq$ 5 và Điểm thực hành 3 mô đun $\geq$ 5

Số lượng thí sinh:33

Số lượng hiện diện:33

Số thí sinh đạt:32

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam